

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 4100/QĐ-UBND, Quyết định 4101/QĐ-UBND, Quyết định số 4102/QĐ-UBND, Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 1 Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2699/SNV-TCBC ngày 22/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình giao thông số 1 Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

**VỊ TRÍ PHÁP LÝ; CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN;
CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 1. Tên gọi, vị trí pháp lý

1. Tên gọi Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa.

1.1. Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa.

1.2. Trụ sở giao dịch chính: Số 45B, Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án) được thành lập tại Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.4. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban quản lý dự án.

2. Vị trí pháp lý:

2.1. Ban Quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc UBND tỉnh, hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2.2. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chức năng:

Ban Quản lý dự án thực hiện các chức năng theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

1.1. Làm chủ đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao. Căn cứ điều kiện cụ thể của tỉnh, Chủ tịch

UBND tỉnh xem xét, quyết định giao Ban Quản lý dự án thực hiện chức năng chủ đầu tư đối với từng dự án cụ thể.

1.2. Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

1.3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

1.4. Thực hiện các chức năng khác khi được Chủ tịch UBND tỉnh giao và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

1.5. Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng hoặc trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng công trình hoàn thành theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.6. Nhận ủy thác Quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

Ban Quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư, gồm:

a) Lập kế hoạch dự án: Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

b) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: Thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác.

c) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác.

d) Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình.

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban Quản lý dự án theo quy định.

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban Quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức, lao động thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban Quản lý dự án theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng năm 2014.

b) Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường.

c) Thực hiện các nhiệm vụ Quản lý dự án khác do Chủ tịch UBND tỉnh, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

2.3. Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Hoạt động ủy thác quản lý dự án được quy định tại Điều 12 của Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

2.4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

2.5. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Cơ cấu tổ chức:

1.1. Lãnh đạo Ban Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án có Giám đốc, không quá 03 Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hiện hành của UBND tỉnh về công tác quản lý cán bộ.

1.2. Các phòng chức năng, nghiệp vụ, gồm:

a) Văn phòng Ban Quản lý dự án.

b) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

c) Phòng Kỹ thuật - Thẩm định.

d) Phòng Tài chính - Kế toán.

1.3. Các phòng Điều hành dự án, gồm:

a) Phòng Điều hành dự án 1.

b) Phòng Điều hành dự án 2.

Trong quá trình hoạt động, căn cứ quy mô, số lượng, điều kiện cụ thể của các dự án được giao quản lý, Giám đốc Ban Quản lý dự án đề xuất phương án tổ chức các phòng trực thuộc trên cơ sở phân công thực hiện theo từng chức năng, nhiệm vụ hoặc kết hợp giữa các chức năng, nhiệm vụ được giao để trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các phòng điều hành dự án của Ban Quản lý dự án.

Các phòng chức năng, nghiệp vụ và các phòng điều hành dự án có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng.

Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Trưởng phòng, các Phó trưởng phòng chức năng, nghiệp vụ và phòng điều hành dự án theo quy định và phân cấp hiện hành của UBND tỉnh về công tác quản lý cán bộ.

Giám đốc Ban Quản lý dự án bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Quản lý dự án để trực tiếp điều hành, quản lý, thực hiện dự án cụ thể theo quy định của pháp luật. Giám đốc Quản lý dự án phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Số lượng người làm việc, lao động:

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định phê duyệt kế hoạch số lượng người làm việc; nội dung kế hoạch số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của các thành viên

1. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án:

1.1. Giám đốc Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án và là chủ tài khoản của đơn vị.

1.2. Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định nội bộ khác về hoạt động của Ban Quản lý dự án.

1.3. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và các phòng, đơn vị thuộc Ban Quản lý dự án; tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Giám đốc Quản lý dự án, nhân viên thuộc Ban Quản lý dự án theo quy định hiện hành của pháp luật và UBND tỉnh.

1.4. Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ, đột xuất (nếu có) của Ban Quản lý dự án; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công tác của các phòng và của các thành viên Ban Quản lý dự án.

1.5. Ký các văn bản, hợp đồng xây dựng, hồ sơ có liên quan đến các dự án với các nhà thầu được lựa chọn, hợp đồng làm việc đối với cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

1.6. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án:

2.1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Giám đốc Ban Quản lý dự án phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.3. Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

3. Quyền và trách nhiệm của Kế toán trưởng:

3.1. Có trách nhiệm giúp Giám đốc Ban Quản lý dự án tổ chức hoạt động kế toán, thống kê, quản lý thu, chi tài chính, kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án và tổ chức bộ máy kế toán Ban Quản lý dự án theo quy định của Luật Kế toán.

3.2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án đối với những nhiệm vụ được giao và tuân thủ theo quy định của pháp luật về kế toán, tài chính của đơn vị.

4. Quyền, nghĩa vụ của viên chức Ban quản lý dự án:

4.1. Được bảo đảm về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật

4.2. Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của đơn vị, nhưng phải được sự chấp thuận của Trưởng phòng phụ trách.

4.3. Có quyền đề xuất, đóng góp ý kiến về biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng đơn vị.

4.4. Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng (hoặc Giám đốc Quản lý dự án) và Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.5. Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của đơn vị.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 5. Nguyên tắc làm việc

1. Đối với Ban giám đốc Ban quản lý dự án:

1.1. Ban Quản lý dự án làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm sự chỉ đạo điều hành thống nhất của Giám đốc Ban Quản lý dự án đối với tất cả các hoạt động của Ban Quản lý dự án.

1.2. Lãnh đạo Ban Quản lý dự án điều hành theo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, mọi hoạt động của Ban Giám đốc phải đảm bảo theo chủ trương, đường lối, sự lãnh đạo của Đảng; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho viên chức và người lao động. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Chủ tịch UBND tỉnh về các hoạt động, kết quả công tác của Ban Quản lý dự án.

1.3. Giải quyết công việc theo đúng phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm, tuân thủ trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của pháp luật; thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án; đồng thời thường xuyên đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, lề lối làm việc theo hướng công khai, minh bạch, có hiệu quả.

1.4. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Đối với phòng chức năng, nghiệp vụ, phòng Điều hành dự án:

Lãnh đạo các phòng có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Giám đốc thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và đề xuất của mình.

3. Đối với viên chức, người lao động:

Chịu sự phân công, chỉ đạo của Trưởng phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được giao, được ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Trong trường hợp Ban Giám đốc trực tiếp điều động, phân công các nhân viên thực hiện các công việc đột xuất thì nhân viên đó phải báo cáo Trưởng phòng để theo dõi, kiểm tra.

Điều 6. Chế độ hội họp, báo cáo, chế độ kiểm tra giám sát

1. Thực hiện các chế độ hội họp với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nhà thầu, các chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, các đơn vị liên quan và thực hiện chế độ giao ban nội bộ Ban Quản lý dự án.

2. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất (nếu có) đối với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và trong nội bộ Ban Quản lý dự án.

3. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý, ủy thác và các hoạt động trong nội bộ Ban Quản lý dự án.

Chương III **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN**

Điều 7. Chế độ tài chính

1. Ban Quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2. Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định pháp luật.

3. Có tổ chức bộ máy kế toán Ban Quản lý dự án theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi quản lý dự án và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Các nguồn tài chính của Ban Quản lý dự án

1. Vốn đầu tư phát triển của các dự án được giao hoặc được ủy thác quản lý thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có).

3. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trong trường hợp cần thiết (nếu có).

4. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án gồm:

4.1. Chi phí quản lý dự án; chi phí quản lý dự án được ký kết theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án (nếu có); chi phí giám sát thi công xây dựng.

4.2. Các khoản thu từ thực hiện các công việc tư vấn trong hoạt động xây dựng của cơ quan hoặc các hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

4.3. Các khoản kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên, gồm: Chi tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định; chi tiền công cho lao động hợp đồng; các khoản đóng góp theo lương; trả thu nhập tăng thêm; chi dịch vụ công cộng; chi vật tư văn phòng; chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí; chi thuê mướn; chi đoàn ra, đoàn vào, khấu hao tài sản cố định, sửa chữa tài sản, các khoản thuế phải nộp theo quy định pháp luật và các khoản khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi không thường xuyên, gồm: Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác, chi kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi vốn đầu tư phát triển; chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định; chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi phù hợp khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Ban Quản lý dự án sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; các hướng dẫn khác có liên quan và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Trả thu nhập tăng thêm: Ban Quản lý dự án thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác sau khi cân đối đủ các khoản chi theo quy định trong năm kế hoạch; hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị.

3. Các khoản thuế, khoán: Thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Sử dụng các quỹ của Ban Quản lý dự án gồm các khoản theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017, Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, các hướng dẫn khác có liên quan và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 11. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Ban Quản lý dự án được trang bị tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Tài sản của Ban Quản lý dự án phải được quản lý đúng quy định của pháp luật, được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban Quản lý dự án vào mục đích cá nhân.

2. Ban Quản lý dự án định kỳ báo cáo UBND tỉnh về các tài sản được nhà thầu, nhà cung cấp bàn giao, tặng hoặc để lại (nếu có) cho Ban Quản lý dự án quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản phải được kiểm kê đánh giá lại giá trị định kỳ hàng năm. Tài sản không cần sử dụng phải được xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Ban Quản lý dự án có các mối quan hệ công tác với các cơ quan, tổ chức:

Điều 12. Đối với người quyết định thành lập, người quyết định đầu tư

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của Chủ tịch UBND tỉnh, người quyết định đầu tư của các dự án được giao làm chủ đầu tư trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được người quyết định đầu tư ủy quyền.

2. Trình phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án (kể cả trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung).

3. Trình thẩm định, phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý; đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Giải trình các nội dung cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, người quyết định đầu tư.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, người quyết định đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án.

Điều 13. Đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, chủ quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết và theo quy định của pháp luật có liên quan; chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các dự án nhận ủy thác quản lý dự án.

2. Tiếp nhận, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng và tạm ứng, thanh toán, quyết toán với nhà thầu theo ủy quyền của chủ đầu tư.

3. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án của chủ đầu tư theo ủy quyền và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Phối hợp với chủ quản lý sử dụng công trình khi lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng và nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành vào vận hành, sử dụng (kể cả việc bảo hành công trình theo quy định).

5. Bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; quản lý công trình xây dựng hoàn thành trong trường hợp chưa xác định được chủ quản lý sử dụng công trình hoặc theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

Điều 14. Đối với nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu liên quan

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư hoặc được ủy thác quản lý thực hiện; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

Điều 15. Đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Thực hiện (hoặc theo ủy quyền) các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương (nơi có dự án đầu tư) trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các nhà thầu, đơn vị tư vấn... để giải quyết các công việc có liên quan.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện quản lý dự án khi được yêu cầu, về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các sở, cơ quan có liên quan trực thuộc UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định pháp luật, trên tinh thần trách nhiệm, nhanh, kịp thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Quản lý dự án hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Ban Quản lý dự án triển khai nội dung Quy chế này đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Ban Quản lý dự án và có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, hoặc không phù hợp với thực tế cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Ban Quản lý dự án kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.